

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn và
nuôi con.*

**NHÂN DA NH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tần, bà Nguyễn Thị Thành.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Thư ký TAND huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích –
Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST ngày 04/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 .

Nơi cư trú: Thôn 5, xã B, huyện C, Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn 5, xã B, huyện C, Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2018; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân V kết hôn với nhau ngày 15/9/2009. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình chồng. Năm 2012 thì ở riêng, cuộc sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi nhau, xung đột, anh đánh đập chị mặt mày bầm tím. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 12/7/2010 và Nguyễn Xuân Hoàng Q, sinh ngày 30/3/2014. Chị H có nguyện vọng

được nuôi cháu Q. Còn cháu Q hiện nay đang ở với anh V, nên giao cho anh V nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân V: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh V đến Tòa làm việc. Anh V có đến Tòa nhưng không ký nhận thông báo thụ lý vụ án, chỉ nhận bản tự khai mang về nhà. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh V không có mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tại biên bản xác minh đối với người thân của anh V, ông Nguyễn Xuân V – bố đẻ anh V cho biết: Vợ chồng chị H anh V mâu thuẫn, gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt anh Vương. Hiện nay, anh Vương đi làm xa từ tháng 02/2019 không có nhà. Anh V đi làm nghề xây dựng theo công trình nên không có địa chỉ cụ thể, nơi làm không ổn định. Anh V đi không rõ khi nào về. Khi đi anh V đi mang theo con là cháu Nguyễn Xuân Hoàng Q là đúng thực tế.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị H ly hôn anh V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 12/7/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Xuân Hoàng Q, sinh ngày 30/3/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân V trú tại: Thôn 5, xã B, huyện C, Thanh Hóa. nhưng hiện không có mặt tại địa phương. Kết quả xác minh tại Công an B, anh V đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là Thôn 5, xã B, huyện C, Thanh Hóa.

Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: anh Nguyễn Xuân V đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được đã tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 và điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần anh V còn đánh chị H. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51; điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 12/7/2010 và Nguyễn Xuân Hoàng Q, sinh ngày 30/3/2014.

Qua xác minh với chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân và con chưa thành niên đã xác định vợ chồng có hai con chung phù hợp với ý kiến của chị H.

Hiện nay cháu Q đang ở với chị H. Còn cháu Q qua xác minh với gia đình được biết đang ở cùng với bố. Do đó, giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Giao cháu Q cho anh Vương trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 96; điểm b khoản 2 điều 227 và điều 273 Bộ luật TTDS.

Căn cứ vào các điều 56, điều 57; điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân V. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Q cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nếu vi phạm thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về tài sản, công nợ chung: Không giải quyết, do các đương sự không yêu cầu.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003784, ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện C
- UBND xã B.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)**

Vũ Thị Dung